

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HSST
Ngày 14 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Nguyên Thoại

2. Ông: Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/ 8 /2018, tại Phòng xét xử số 1- Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Hội đồng xét xử sơ thẩm - Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2018/TLST- HS ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI THỊ LAN H**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 02/11/1986 tại huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 17, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 42, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự: Tại quyết định số 03/QĐ - TA ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai ra Quyết định xử lý hành chính về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lào Cai đối với Bùi Thị Lan H trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày 14/8/2015, đến ngày 30/12/2016 Bùi Thị Lan H được gia đình bảo lãnh về chữa bệnh, sau khi chữa khỏi bệnh bị cáo chưa vào Trung tâm tiếp tục chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc.

Bố đẻ bị cáo là Bùi Sỹ H, sinh năm 1964; Mẹ đẻ bị cáo là Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Hiện nay bố, mẹ bị cáo đều cư trú tại tổ 17, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai chị em.

Bị cáo có 01 người con gái sinh năm 2008, hiện con bị cáo đang ở cùng ông bà ngoại tại tổ 17, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/5/2018, bị tạm giam ngày 06/5/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến:

1. Chị: Nông Thị L – Sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Anh: Hoàng Tiến S – Sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 02/5/2018 tổ công tác thuộc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường Trung Đô thuộc tổ 27, phường K, thành phố L phát hiện một nữ giới khoảng 30 tuổi đeo một túi xách có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu kiểm tra thì người phụ nữ đó khai nhận tên là Bùi Thị Lan H - sinh ngày 02/11/1986. Hộ khẩu thường trú: Tổ 17, Phường K, thành phố L. Chỗ ở: Tổ 42, phường C, thành phố L đang tàng trữ ma túy đá và hồng phiến. Tổ công tác đã đưa Bùi Thị Lan H về nhà văn hóa tổ 26 + 27 thuộc tổ 26, phường K, thành phố L để làm việc tại đây trước sự chứng kiến của bà Nông Thị L và ông Hoàng Tiến S, Bùi Thị Lan H đã chỉ chỗ cất giấu ma túy trong túi quần và trong túi xách. Tổ công tác đã lấy từ trong túi quần phía trước, bên

phải của Bùi Thị Lan H đang mặc trên người ra một phong bì thư đã rách bên trong có chứa hai gói nhỏ, trong đó một gói nhỏ được gói bằng nilon bên trong chứa các tinh thể rắn, màu trắng và 01 gói được gói bằng giấy màu vàng bên trong có chứa 05 viên nén màu hồng được niêm phong kí hiệu gói số 1 gồm M1, M2. Tiếp tục kiểm tra túi xách mà H mang theo ra một túi vải nhỏ có khóa kéo, bên trong túi có 08 gói nhỏ được gói bằng nilon đều chứa các hạt tinh thể rắn, màu trắng và 01 gói nilon còn lại có chứa 08 viên nén màu hồng được niêm phong kí hiệu gói số 2 gồm M3 đến M11. Bùi Thị Lan H khai do bản thân nghiện chất ma túy nên tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, ngoài ra còn tạm giữ của Bùi Thị Lan H: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Lan H có số 063309856 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/10/2007; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu di động VIETTEL tối màu đã qua sử dụng có số thuê bao là 01639873267; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng có số thuê bao 0912217400; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Bùi Thị Lan H cấp ngày 29/4/2014 do Sở Giao thông vận tải Lào Cai cấp; 01 túi xách giả da có quai đeo đã qua sử dụng và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.930.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*).

Cùng ngày Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai đã thực hiện lệnh khám xét nơi ở của Bùi Thị Lan H tại tổ 42, phường C, thành phố L. Quá trình khám xét thu giữ tại gác xép phòng của Bùi Thị Lan H có 01 gói nilon chứa các tinh thể rắn, màu trắng (*Kí hiệu M12*)

Ngày 03/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai giám định về ma túy đối với vật chứng đã thu giữ của Bùi Thị Lan H. Tại biên bản mở niêm phong, trích mẫu, tái niêm phong và giao nhận đối tượng giám định lập ngày 03/5/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định niêm phong vật chứng còn nguyên vẹn, đúng quy định. Tiến hành mở niêm phong và xác định khối lượng: Bì 1 thu giữ khi bắt quả tang gồm gói số 1 M1 0,5 gam trích mẫu 0,3 gam hoàn trả 0,2 gam, M2 4,92 gam trích mẫu 0,34 gam hoàn trả 4,58 gam, gói số 2: M3 0,8 gam trích mẫu 0,4 gam hoàn trả 0,4 gam, M4 0,8 gam trích mẫu 0,1 gam hoàn trả 0,7 gam, M5 0,34 gam trích mẫu 0,11 gam hoàn trả 0,23 gam; M6 0,20 gam trích mẫu 0,09 gam hoàn trả 0,11 gam; M7 0,20 gam trích mẫu 0,10 gam hoàn trả 0,10 gam; M8 0,13 gam trích mẫu 0,07 gam hoàn trả 0,06 gam; M9 0,3 gam trích mẫu 0,14 gam hoàn trả 0,16 gam; M10 0,11 gam trích mẫu 0,05 gam hoàn trả 0,06gam; M11 0,03 gam trích mẫu 0,03 hoàn trả không. Bì 2 thu giữ khi khám xét M12 0,18 gam trích mẫu 0,08 gam hoàn trả 0,10 gam được tái niêm phong hoàn trả cơ quan trưng cầu.

Tại Kết luận giám định số 93/GĐMT ngày 04/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 11 (*Mười một*) gói thu giữ của Bùi Thị Lan H khi

bắt quả tang ngày 02/5/2018 trong đó có 09(*Chín*) gói (Kí hiệu M1, M2, M3, M4, M6, M7, M8, M9, M10) có tổng khối lượng là 7,96 (*Bảy phẩy chín mươi sáu*) gam là ma túy Methamphetamine; 02(*Hai*) gói (Kí hiệu M5, M11) có tổng khối lượng 0,37 (*Không phẩy ba mươi bảy*) gam là ma túy Ketamine; 01(*Một*) gói (Kí hiệu 12) thu giữ tại nơi ở của Bùi Thị Lan H có khối lượng là 0,18 (*Không phẩy mười tám*) gam là ma túy Methamphetamine.

Methamphetamine thuộc danh mục II, số thứ tự 67; Ketamine thuộc Danh mục III, số thứ tự 35 trong Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ về danh mục các chất ma túy và tiền chất.

Cáo trạng số: 64/CT -VKSTPLC ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, truy tố bị cáo Bùi Thị Lan H về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm n Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Thị Lan H về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm n Khoản 2, 5 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Bùi Thị Lan H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Phạt tiền đối với bị cáo từ 05 đến 06 triệu đồng. Về vật chứng: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 và điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 Bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, bên trong bì thư đựng 6,47 gam Methamphetamine và 0,14 gam Ketamine; Tuyên trả cho bị cáo 01 giấy Chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Bùi Thị Lan H và 01 túi xách giả da có quai đeo đã qua sử dụng. Tiếp tục tạm giữ tài sản của bị cáo gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu di động VIETTEL tối màu đã qua sử dụng, có số thuê bao là 01639873267; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng, có số thuê bao 0912217400 và số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.930.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) để đảm bảo công tác thi hành án. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Bùi Thị Lan H khai nhận:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/5/2018 Bùi Thị Lan H đi taxi một mình từ chỗ ở tổ 42, phường C, thành phố L mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi đang ngồi trên xe taxi Bùi Thị Lan H có mượn điện thoại di động của người lái xe (Không biết tên, tuổi, địa chỉ) gọi điện cho một người nữ giới có tên L (người quen từ trước) hẹn gặp ở khu vực dốc giống cây trồng thuộc phường C, thành phố L. Khi đến nơi Bùi Thị Lan H có đặt vấn đề mua ma túy hồng phiến, ma túy đá và ma túy Ketamine. Bùi Thị Lan H mua được của L 18 (Mười tám) viên ma túy hồng phiến, 01 (Một) gói ma túy đá, 01 (Một) gói ma túy Ketamine với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau khi mua được ma túy Bùi Thị Lan H quay về phòng ở của mình bỏ 05 (Năm) viên nén ma túy hồng phiến ra sử dụng hết và sử dụng một phần trong gói ma túy đá, số ma túy còn dư Bùi Thị Lan H gói lại cất giấu tại vị trí trên gác xép, trong phòng ngủ của Bùi Thị Lan H. Số ma túy còn lại Bùi Thị Lan H chia thành 12 (Mười hai) gói nhỏ. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/5/2018 Bùi Thị Lan H đi xe taxi từ nơi ở khi đi Bùi Thị Lan H có cho các gói ma túy vào trong túi quần bên phải đang mặc và để các gói ma túy vào trong chiếc túi xách mang theo. Khi đi đến tổ 27, phường K, thành phố L Bùi Thị Lan H xuống xe đi bộ, đi được một đoạn thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai kiểm tra, quá trình kiểm tra Bùi Thị Lan H đã khai nhận đang cất giấu ma túy trên người.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng cùng các chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Thị Lan H đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang vào ngày 02/5/2018. Bản thân bị cáo vào năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đến nay đã được xóa án tích. Năm 2015 bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy, song do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, đua đòi ăn

chơi đã nghiện chất ma túy. Để có ma túy sử dụng thoả mãn nhu cầu bất chính của bản thân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ 8,14 gam Methamphetamine và 0,37 gam Ketamine để mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo về tội danh trên là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Lào Cai. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi của bị cáo tàng trữ khối lượng lớn chất ma túy, cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Chuyển theo hồ sơ vụ án gồm các vật chứng sau: Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định gồm: 6,47(*Sáu phẩy bốn mươi bảy*) gam Methamphetamine, 0,14 (*Không phẩy mười bốn*) gam Ketamine được cho vào 01 bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, trên mặt của bì niêm phong mới này có ghi: “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Bùi Thị Lan H có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện (thu giữ) ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai*”; 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Lan H, có số 063309856 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/10/2007; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL tối màu đã qua sử dụng, có số thuê bao là 01639873267; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng, có số thuê bao 0912217400; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Bùi Thị Lan H cấp ngày 29/4/2014 do Sở Giao thông vận tải Lào Cai cấp; 01 túi xách giả da có quai đeo đã qua sử dụng và số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.930.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Xét thấy: 01(một) Bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, bên trong bì thư đựng 6,47 (*Sáu phẩy bốn mươi bảy*) gam Methamphetamine và 0,14 (*Không phẩy mười bốn*) gam Ketamine. Xác định vật chứng trên là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Còn 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Lan H, có số 063309856 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/10/2007; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Bùi Thị Lan H cấp ngày 29/4/2014 do Sở Giao thông vận tải Lào Cai cấp. Xác định là các giấy tờ tùy thân của bị cáo, cần tuyên trả cho bị cáo Bùi Thị Lan H là phù hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL tối màu đã qua sử dụng, có số thuê bao là 01639873267; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng, có số thuê bao 0912217400; 01 túi xách giả da có quai đeo đã qua sử dụng và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.930.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*). Xác định các tài sản trên là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả cho bị cáo. Xong xét thấy bị cáo còn phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và khoản tiền phạt nộp ngân sách Nhà nước, nên cần tiếp tục tạm giữ của bị cáo số tài sản trên để đảm bảo công tác thi hành án.

[8] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, bị cáo khai mua của một người nữ giới tên L đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 01/5/2018, do không biết địa chỉ và ngoài lời khai của Bùi Thị Lan H, quá trình điều tra không xác minh làm rõ được người đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Lan H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm n Khoản 2, 5 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Lan H 05(Năm) năm 09(Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo 03/5/2018.

Phạt tiền bị cáo Bùi Thị Lan H 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 và điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 6,47 (*Sáu phẩy bốn mươi bảy*) gam Methamphetamine và 0,14 (*Không phẩy mười bốn*) gam Ketamine được niêm phong trong 01(một) bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai ghi: “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Bùi Thị Lan H có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện (thu giữ) ngày 02/5/2018 tại tổ 27, phường K, thành phố L*”.

Trả cho bị cáo Bùi Thị Lan H 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Lan H, có số 063309856 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/10/2007 và 01 giấy phép

lái xe mô tô mang tên Bùi Thị Lan H, cấp ngày 29/4/2014 do Sở Giao thông vận tải Lào Cai cấp.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Bùi Thị Lan H số tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL tối màu đã qua sử dụng, có số thuê bao là 01639873267; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng, có số thuê bao 0912217400; 01 túi xách giả da có quai đeo đã qua sử dụng và số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.930.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) để đảm bảo công tác thi hành án.

(*Vật chứng được thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/7/2018*).

3. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thị Lan H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TPL;
- CCTHADSTPL;
- PV27; Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- THAHS; Sở tư pháp;
- Lưu HS – Tập án;

Nguyễn Thiên Hương

